

Số: 131/2024/QĐST-HNGĐ

Tân Uyên, ngày 27 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ TÂN UYÊN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

Căn cứ các Điều 212, 213 và 397 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 125/2024/TLST-VHNGĐ ngày 12 tháng 9 năm 2024 về việc: Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc hôn nhân và gia đình:

- Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1984; thường trú: Tổ 2, khu phố V, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương;

- Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1981; thường trú: Tổ 2, khu phố V, phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Minh Th chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã (nay là phường) K, huyện (nay là thành phố) T, tỉnh Bình Dương theo giấy chứng nhận kết hôn số 73, quyển số 06, ngày 24/9/2002. Trong quá trình chung sống, bà H và ông Th có 03 con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 15/9/2003; Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 22/10/2005 và Nguyễn Minh T2, sinh ngày 22/12/2015. Ngày 26/8/2024, bà H và ông Th có đơn yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Theo Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T, bà H và ông Th đã thỏa thuận được các vấn đề theo đơn yêu cầu.

[2] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/9/2024 của Tòa án nhân dân thành phố T là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Minh Th thuận tình ly hôn.

- *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Minh T2, sinh ngày 22/12/2015 cho bà Nguyễn Kim H trực tiếp nuôi dưỡng. Các con chung tên Nguyễn Minh T1, sinh ngày 15/9/2003 và Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh ngày 22/10/2005 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Ông Nguyễn Minh Th có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung Nguyễn Minh T2 mỗi tháng 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Minh Th đều có quyền và nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định của pháp luật. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người đang trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích của con chưa thành niên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thanh toán số tiền phải thi hành thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thi hành.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim H và ông Nguyễn Minh Th phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000487 ngày 10/9/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố T;
- CCTHADS thành phố T;
- UBND phường K, thành phố T, tỉnh Bình Dương;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS.

THẨM PHÁN

Nguyễn Tấn Tâm